TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **356**/2026/QĐST-HNGĐ	*H, ngày 02 tháng 04 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 302/2026/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 03 năm 2026, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **LTBN**, sinh ngày 02/10/1992; CCCD số: 0011***619 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02/05/2021; Địa chỉ: Thôn TD, xã GL, thành phố H.

- *Bị đơn:* Anh **NVP**, sinh ngày 10/09/1990; CCCD số: 001***575 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 22/11/2021; Địa chỉ: Thôn TD, xã GL, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án và Danh mục án phí, lệ phí Toà án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 03 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 03 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị LTBN, sinh năm 1992 và anh NVP, sinh năm 1990.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị LTBN và anh NVP, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị N và anh P cùng xác định anh chị có 02 con chung là cháu NQA, sinh ngày 13/10/2010 và cháu NMK, sinh ngày 21/09/2016. Khi ly hôn, chị N và anh P thống nhất thỏa thuận giao cháu QA cho anh P là bố trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng; giao cháu MK cho chị N là mẹ trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con của anh P và chị N đến khi cháu QA và cháu MK đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Chị N và anh P không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị LTBN chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị N đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/26E số 0007901 ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố H (Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5). Hoàn trả chị N số tiền 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP H;
- VKSND Khu vực 5 – H;
- Thi hành án dân sự TP H
- Phòng thi hành án KV5;
- UBND X. Kiêu Kỵ, H.GL
nay là X.GL, TP H – GCNKH số 32/2010);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Minh Ngọc